

Số: /2023/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 320/TTr-STNMT ngày 09 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
 - Website Chính phủ; Công báo tỉnh;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, VP3 ,6, 7.
- Ttt_VP3_QĐ120

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Sơn

QUY CHẾ**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo (*sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường*); khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo quản, quản lý, cung cấp, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình bao gồm những thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình phải phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Ninh Bình; được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện,

hiệu quả đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 5. Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tài nguyên và môi trường

Yêu cầu chung và các nhóm chức năng, dịch vụ cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tài nguyên và môi trường được quy định Điều 22 Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP; Điều 5 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 7. Kinh phí thu thập, xử lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do Nhà nước quản lý được ngân sách Nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường giao các đơn vị thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường chia sẻ giữa các cơ quan Nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định tại Luật Phí và Lệ phí.

3. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, có hệ thống, không trùng lặp, chồng chéo, thực hiện hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực, phục vụ kịp thời công tác quản lý Nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Căn cứ lập kế hoạch và các nội dung cơ bản của kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại khoản 2, 3 Điều 10 Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 9. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 10. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố có trách nhiệm thu thập, phân loại, kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện trước khi gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu thu thập phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định, quy trình, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

3. Việc in, sao chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật Nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản, tu bổ, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 12. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, dữ liệu có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng đối với hệ thống lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin cho Hệ thống Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, gửi Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với quản trị mạng, cơ quan chuyên môn về an toàn thông tin của tỉnh thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin, tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

Điều 13. Vận hành, cập nhật Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

Chương IV

KHAI THÁC, SỬ DỤNG, KẾT NỐI VÀ CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 14. Công bố Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các ấn phẩm chuyên môn. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Điều 15. Hình thức khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Các hình thức khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử giữa các sở, ban, ngành và giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; giữa các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống trực tích hợp chia sẻ kết nối dữ liệu (LGSP) của tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 17. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương V

**TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN
CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh phê duyệt trước ngày 31 tháng 10; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa cơ sở dữ liệu tỉnh với các tỉnh, thành phố khác và các bộ, ngành.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ các phần mềm ứng dụng trong ngành bảo đảm nâng cao hiệu quả khai thác, chất lượng quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của ngành; kết nối liên thông cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với nền tảng tích hợp dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP), chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

4. Chủ trì cùng các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng quy trình, quy định về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

5. Thu thập, lưu trữ, quản lý, khai thác, sử dụng, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; hàng năm xây dựng kế hoạch chỉnh lý hồ sơ, tài liệu giấy, quét số hóa vào phần mềm “kho lưu trữ” để xây dựng cơ sở dữ liệu ngành một cách có hệ thống, khoa học nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán kinh phí phục vụ cho công tác thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định.

7. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng, tổng hợp Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, công bố trên Trang/Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, gửi Danh mục (*cập nhật theo năm*) thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

9. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác quản lý Nhà nước về công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ cho các ngành, lĩnh vực.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thẩm định sự phù hợp của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

4. Phối hợp, hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kết nối, tích hợp Hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với Trục liên thông tích hợp LGSP và kết nối, chia sẻ dữ liệu về Kho lưu trữ dùng chung của tỉnh Ninh Bình.

Điều 20. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí phục vụ thu thập, xử lý; tổ chức quản

lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Nhà nước quản lý, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm, quyền hạn các sở, ban, ngành

1. Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ của mình xác định, lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập dự thảo Kế hoạch thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Tham gia góp ý bằng văn bản sau khi nhận được dự thảo Kế hoạch thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện Kế hoạch thu thập, quản lý thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm theo lĩnh vực phụ trách.

Điều 22. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

2. Tham gia góp ý bằng văn bản đối với dự thảo Kế hoạch thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng.

3. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ xác định, lập Danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập trên địa bàn huyện, thành phố quản lý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập dự thảo Kế hoạch thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; tiến hành thu thập, phân loại, kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố quản lý; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu hoặc có nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu (*thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ*).

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và

Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 24. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thực hiện các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.
3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.
4. Không được truy cập, thay đổi, giả mạo, sao chép, tiết lộ, gửi, hủy trái phép tài liệu lưu trữ điện tử.
5. Không được tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại phương tiện quản lý tài liệu lưu trữ điện tử.
6. Trả phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định.
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
8. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.
9. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.
10. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

Các dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.
2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đã hoàn thành nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu hoặc đang triển khai thực hiện thì tổ chức, cá nhân thực hiện phải xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Quy chế này.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
2. Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.
3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề xuất biện pháp xử lý, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.